

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TỈNH QUẢNG NAM

Lê Đức Thọ¹, Văn Công Vũ²

Tóm tắt

Quảng Nam là địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có tiềm năng lớn để phát triển kinh tế biển. Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính để phân tích thực trạng kinh tế biển của tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn 2016-2020. Kết quả cho thấy, kinh tế biển Quảng Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ trên các lĩnh vực: Vận tải và dịch vụ cảng biển, khai thác và nuôi trồng thủy sản, đóng tàu, khai thác khoáng sản, du lịch và dịch vụ biển. Tuy nhiên, hoạt động này cũng còn một số hạn chế như: Trang thiết bị, công nghệ khai thác, bảo quản hải sản còn lạc hậu, kết cấu hạ tầng các vùng biển, ven biển và hải đảo chưa phát triển, ... Từ thực trạng đó, bài nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp phát triển kinh tế biển của địa phương trong giai đoạn tiếp theo.

Từ khóa: Kinh tế biển, kinh tế biển Quảng Nam, phát triển kinh tế biển.

DEVELOPING THE MARINE ECONOMY IN QUANG NAM PROVINCE

Abstract

Quang Nam is a locality in the key Central economic region, with great potential for marine economic development. The article uses qualitative research methods to analyze the current situation of the marine economy of Quang Nam province in the period from 2016 to 2020. The results show that Quang Nam's marine economy has achieved many encouraging results in various fields: port transport and services, fishing and aquaculture, shipbuilding, mining, tourism and marine services. However, it still has some limitations such as: outdated equipment and technology for seafood exploitation and preservation, undeveloped infrastructures in seas, coasts and islands, etc. From that situation, the study proposes some solutions to develop the local marine economy in the next period.

Keywords: Marine economics; Quang Nam's marine economy; marine economic development.

JEL classification: O; O13.

1. Mở đầu

Quảng Nam nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có 6 huyện, thành phố đồng bằng ven biển, chiếm 15% diện tích, chiếm 57% dân số toàn tỉnh và cũng là tỉnh có tiềm năng lớn để phát triển kinh tế biển (Tấn Nguyên, 2020). Trong những năm qua, tỉnh Quảng Nam tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội hướng ra biển, chú trọng phát triển các ngành công nghiệp biển, du lịch biển đảo và các hoạt động dịch vụ biển, phấn đấu đạt mục tiêu đưa kinh tế biển và vùng ven biển phát triển mạnh, giữ vai trò, vị trí quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh. Năm 2020, mặc dù chịu sự tác động của đại dịch Covid-19, tuy nhiên, một số ngành kinh tế biển tỉnh Quảng Nam vẫn có sự tăng trưởng, riêng khu vực nông lâm thủy sản ít chịu ảnh hưởng của covid-19 nên đây là khu vực duy nhất có mức tăng trưởng dương (3,5%). Sản lượng khai thác thủy sản năm 2020 ước đạt 96.500 tấn, giá trị tăng thêm ngành thủy sản đạt 4% (Cục Thống kê Quảng Nam, 2020, tr.1). Kinh tế biển là sẽ là yếu tố quyết định phát

triển kinh tế xã hội trong dài hạn. Tuy nhiên, việc phát triển kinh tế biển chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên biển và ven biển nhiều nơi còn lãng phí và kém hiệu quả. Việc phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ tài nguyên biển còn nhiều hạn chế, tình trạng ô nhiễm môi trường biển cũng xảy ra nhiều nơi chưa khắc phục được, hạ tầng cảng biển được đầu tư xây dựng nhưng chưa phát huy hết hiệu quả, ... Chính vì vậy, nghiên cứu tiềm năng, thực trạng phát triển kinh tế biển và đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tại Quảng Nam có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Nguồn số liệu và phương pháp thu thập số liệu

Bài nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp giai đoạn 2016 - 2020. Các số liệu thứ cấp được thu thập từ nhiều nguồn thông tin khác nhau như: sách, báo, tạp chí, các nguồn từ internet, luận văn, luận án, số liệu ở Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam.

2.2. Phương pháp phân tích

Bài nghiên cứu sử dụng một số phương pháp

phân tích truyền thống là: thống kê mô tả, so sánh, phân tích tổng hợp, đánh giá về thực trạng phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Nam trên các khía cạnh: kinh tế hàng hải, khai thác và nuôi trồng thủy sản, công nghiệp biển, du lịch và dịch vụ biển.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Nam

Vấn đề kinh tế biển đã được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu từ rất lâu trên thế giới. Ở Việt Nam, khái niệm kinh tế biển được hiểu theo hai nghĩa: *Theo nghĩa rộng*, “Kinh tế biển bao gồm các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển: (1) Kinh tế hàng hải; (2) Hải sản; (3) Khai thác dầu khí ngoài khơi; Du lịch biển; Làm muối; Dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; Kinh tế đảo và các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác biển ở dải đất liền ven biển, bao gồm: Đóng và sửa chữa tàu biển; Công nghiệp chế biến dầu khí; Công nghiệp chế biến thủy, hải sản; Cung cấp dịch vụ biển; Thông tin liên lạc biển Nghiên cứu khoa học - công nghệ biển, đào tạo nhân lực phục vụ quản lý kinh tế biển, điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường biển” (Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2007). *Theo nghĩa hẹp*, kinh tế biển được định nghĩa tương tự khái niệm trên, chỉ có sự khác biệt đối với hoạt động cuối cùng, kinh tế biển là kinh tế đảo,... Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung phân tích các hoạt động kinh tế biển tỉnh Quảng Nam bao gồm: kinh tế hàng hải; khai thác và nuôi trồng thủy sản; công nghiệp biển (đóng tàu, khai thác khoáng sản, chế biến thủy, hải sản,...); du lịch và dịch vụ biển.

Phát triển kinh tế biển là sự gia tăng toàn diện các phân ngành kinh tế biển theo chiều hướng tiến bộ, bao gồm sự phát triển toàn diện và đồng bộ của các phân ngành kinh tế biển với các mặt của đời sống văn hoá- xã hội ở các khu vực ven biển, dựa trên một chiến lược phát triển kinh tế biển và phương thức quản lý kinh tế biển hợp lý.

Việt Nam là quốc gia có nhiều tiềm năng trong phát triển kinh tế biển với bờ biển dài trên 3.260km, có diện tích các vùng lãnh hải thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán trên 1 triệu km², với 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và trên 3.000 đảo và quần đảo khác. Việt Nam có trên 50% dân số sống ở 28 tỉnh, thành phố ven biển; có

nhiều tiềm năng lớn để phát triển kinh tế biển. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế biển. Đối với khu vực Duyên hải miền Trung, đại hội XIII của Đảng xác định: “Nâng cao hiệu quả phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp lọc hóa dầu, luyện kim. Tập trung phát triển kinh tế biển kết hợp với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên biển. Phát triển nhanh, đồng bộ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Hình thành và phát triển các trung tâm du lịch biển,... Đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản; phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần và hạ tầng nghề cá” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.117).

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Nam cũng đã tận dụng, khai thác hiệu quả những thế mạnh, tiềm năng để phát triển kinh tế biển và bước đầu đã được những kết quả đáng ghi nhận.

3.1.1. Kinh tế hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển)

Quảng Nam sở hữu 125 km bờ biển với nhiều đảo, vịnh và cửa biển rất thuận lợi cho việc xây dựng cảng biển. Quảng Nam có 2 cửa biển lớn là Cửa Đại gắn liền với phố cổ Hội An và cửa An Hòa gắn liền với Khu Kinh tế mở Chu Lai, đây là điều kiện để Quảng Nam đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hải. Cảng biển Chu Lai là một trong các đầu mối về giao thông vận tải, giao thương trong nước và quốc tế của các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung và Tây nguyên; cửa ngõ kết nối ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Thái Lan. Ưu tiên tối đa mặt nước, đường bờ, khu đất cho việc phát triển cảng, dịch vụ hậu cảng, logistics và giao thông kết nối với các khu bến Kỳ Hà, Chu Lai, Tam Giang, Tam Hòa, có các bến cảng tổng hợp, container, chuyên dùng và bến vận tải hành khách đảm bảo công suất cảng đủ đáp ứng dự báo nhu cầu hàng hóa thông qua cảng. Đánh giá năng lực tuyến luồng hiện hữu và nghiên cứu quy hoạch mở thêm tuyến luồng mới từ khu vực Cửa Lở kết nối vào các khu bến: Chu Lai, Tam Giang, Tam Hòa, đảm bảo cho tàu 30.000 - 50.000 DWT trở lên ra vào thuận lợi; quy hoạch phát triển thêm các bến cảng hàng hóa (trong đó có các bến chuyên dùng: gas, xăng dầu...) và các bến vận tải hành khách phục vụ du lịch. Địa bàn các huyện thị ven biển của tỉnh

Quảng Nam có tiềm năng phát triển rất lớn bởi rất gần với Cảng Biển, sân bay và các khu công nghiệp của Thành phố Đà Nẵng và gần Khu kinh tế Dung Quất của tỉnh Quảng Ngãi.

Về các dịch vụ logistics, Quảng Nam có 02 cảng biển: cảng Kỳ Hà và cảng Tam Hiệp. Hệ thống cảng Kỳ Hà tiếp nhận tàu 20.000 DWT, cảng Tam Hiệp tiếp nhận tàu 10.000 DWT; hệ thống kho bãi, xưởng cũng được nâng cấp, mở rộng với diện tích gần 100 nghìn m²; lượng hàng hoá qua cảng Kỳ Hà và cảng Tam Hiệp trên 1,6 triệu tấn (Trần Thường, 2018). Lượng hàng hóa thông qua cảng dự kiến vào năm 2030 là 11,7-12,7 triệu tấn/năm. Ngoài 2 khu bến Kỳ Hà và Chu Lai, khu vực vịnh An Hòa (huyện Núi Thành) hiện hội tụ đủ các điều kiện để phát triển thêm một số khu bến khác như khu vực kín gió, hiện trạng đã có tuyến luồng vào cảng; khu vực hậu cần cảng diện tích lớn, điều kiện kết nối giao thông thuận lợi,... Theo thống kê của Cục Hàng hải Việt Nam, tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển 10 tháng năm 2018 đạt hơn 430 triệu tấn, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, Quảng Nam là địa phương có khối lượng hàng hóa qua cảng tăng cao nhất cả nước trong vòng 10 tháng qua, hơn 2.172 nghìn tấn (Lê Quân, 2018). Trong năm 2020, khối lượng hàng hóa vận tải hàng hóa qua đường thủy ước đạt 214 nghìn tấn (- 29,6%); khối lượng vận tải hành khách bằng đường thủy ước đạt 1,25 triệu lượt khách (-70,2%) (Cục Thống kê Quảng Nam, 2020, tr.15).

3.1.2. Khai thác và nuôi trồng thủy sản

Quảng Nam nhận thức rõ ngành thủy sản có vị trí, vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của địa phương. Với ngư trường rộng lớn trên 40.000km², thềm lục địa kéo dài 93km có nhiều loài thủy sản có giá trị kinh tế cao, nhiều loài thuộc loại quý hiếm. Đặc biệt, cách thành phố Hội An gần 20km về phía Đông là quần đảo Cù Lao Chàm với các hệ sinh thái đặc thù gồm quần thể san hô và các loài hải sản đa dạng, phong phú có giá trị kinh tế cao, là khu bảo tồn biển quốc gia và khu dự trữ sinh quyển thế giới với các hệ sinh thái đặc thù gồm quần thể san hô và các loài hải sản đa dạng, phong phú. Quảng Nam có điều kiện để phát triển ngành đánh bắt xa bờ cũng như khai thác tiềm năng nuôi trồng thủy sản ở các vùng ven sông, ven biển và ở đảo Cù Lao Chàm,...

Về nguồn lực khai thác: Năm 2020, “toàn tỉnh có 3.074 tàu thuyền khai thác thủy sản biển có động cơ, giảm 52 tàu (-1,6%) so với năm 2019; ngư trường khai thác chủ yếu vùng biển ven bờ 1.857 tàu (chiếm 60,4%), vùng lộng 667 tàu (chiếm 21,7%), vùng khơi 550 tàu (chiếm 17,9%). Phần lớn tàu thuyền khai thác hiện nay có công suất nhỏ, trang bị phương tiện khai thác thô sơ, kỹ thuật khai thác xa bờ còn nhiều yếu kém, công tác bảo quản sản phẩm sau thu hoạch còn thấp nên hiện nay một số tàu có công suất dưới 90 CV đang hoạt động kém hiệu quả đã được thanh lý để tập trung phát triển những tàu công suất lớn hoạt động ở ngư trường xa bờ hiệu quả hơn. Tàu có công suất nhỏ dưới 20 CV: 1.615 tàu (giảm 18 tàu); từ 20 CV đến dưới 50 CV: 583 tàu (giảm 26 tàu); từ 50 CV đến 90 CV: 94 tàu (giảm 6 tàu); trên 90 CV: 782 tàu, trong đó tàu trên 400 CV là 508 tàu (tăng 53 tàu); tổng công suất các tàu đạt 416.599 CV, bình quân đạt 135,5 CV/tàu” (Cục Thống kê Quảng Nam, 2020, tr.9-10).

Về sản lượng thủy sản khai thác: Việc thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, Nghị định 17/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP, chính sách hỗ trợ ngư dân (theo Quyết định 28/2010/QĐ-TTg) trên địa bàn tỉnh được triển khai kịp thời, đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, đúng quy trình, nhận được sự đồng thuận của nhân dân, tạo ra tâm lý phấn khởi trong cộng đồng ngư dân, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, bảo vệ an ninh quốc phòng, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Tổng sản lượng thủy sản khai thác năm 2020 đạt 96.500 tấn, trong đó, sản lượng khai thác thủy sản biển đạt 89.350 tấn (chiếm 92,6%) tăng 4,7% (tương đương 4.036 tấn) so với năm trước (Cục Thống kê Quảng Nam, 2020, tr.10). Tính chung trong 5 năm qua (2016 - 2020), tổng sản lượng thủy sản tăng gần 5%, đạt hơn 571 nghìn tấn, gấp 1,3 lần so với giai đoạn 2011 - 2015 (Việt Nguyễn, 2020).

Về nuôi trồng thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt trên 8.600 ha (tăng 91 ha) so với năm trước, trong đó nuôi cá đạt gần 5.000 ha (tăng 3,3% và 158 ha); nuôi tôm đạt gần 3.40 ha (giảm 2,1% và 71 ha). Tổng sản lượng

nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 28.150 tấn (tăng 3% và 814 tấn) so với năm 2019, bao gồm: cá đạt 10.157 tấn (tăng 3,7% và 360 tấn); tôm đạt 16.916 tấn (tăng 2,5% và 416 tấn); thủy sản khác đạt trên 1.077 tấn (tăng 3,7% và 38 tấn) (Cục Thống kê Quảng Nam, 2020, tr.10). Toàn tỉnh có 41 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống (02 cơ sở sản xuất giống cá nước ngọt, 36 cơ sở sản xuất tôm sú và ương nuôi giống tôm thẻ nhô, 03 công ty sản xuất giống thủy sản nước mặn lợ). Số lượng cá giống nước ngọt sản xuất trong tỉnh cung cấp cho thị trường trên 10 triệu con, số lượng tôm giống sản xuất khoảng 220 triệu con.

3.1.3. Công nghiệp biển: Bao gồm các lĩnh vực đóng tàu, khai thác khoáng sản

Đối với công nghiệp đóng tàu: Tính đến năm 2020, toàn tỉnh có 05 cơ sở được cấp giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu thuyền theo quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (trong đó, 04 cơ sở đóng tàu gỗ đã được Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp giấy chứng nhận; 01 cơ sở đóng tàu thép được Tổng cục Thủy sản cấp giấy chứng nhận); 01 cảng cá An Hòa (Tam Giang – Núi Thành); 02 bến cá: Thanh Hà (Hội An), Tam Phú (Tam Kỳ) (Cục Thống kê Quảng Nam, 2020, tr.10). Đây là điều kiện để phát triển ngành đóng tàu tại Quảng Nam, cùng với sự ra đời ngày càng nhiều các nhà máy có quy mô nhỏ và trung bình phục vụ đóng và sửa chữa các tàu chạy ven biển và thủy nội địa phục vụ du lịch, thể thao đã ngày càng khẳng định được khả năng đóng và sửa chữa tàu của tỉnh Quảng Nam. Các mô hình khuyến ngư giúp ngư dân tiếp cận trình độ khoa học - kỹ thuật tiên bộ đã đem lại hiệu quả như hỗ trợ ngư dân đầu tư máy dò cá ngang, hầm bảo quản bằng vật liệu Polyurethane (PU), lắp đặt thiết bị liên lạc có gắn định vị vệ tinh GPS.

Đối với khai thác khoáng sản: Quảng Nam là tỉnh có tiềm năng tương đối lớn về khoáng sản, vừa phong phú về chủng loại vừa đa dạng về nguồn gốc, đặc biệt là tài nguyên quặng phóng xạ (đi kèm trong 1 số khoáng sản như đất hiếm, than, graphit, photphat, pegmatit, đa kim ...) với trữ lượng quặng nhiều nhất và chất lượng quặng tốt nhất cả nước. Hiện nay, toàn tỉnh có khoảng 45 loại khoáng sản, một số khoáng sản có giá trị được

phát hiện có trữ lượng lớn, đã được thăm dò và đưa vào khai thác. Năng lượng tái tạo cũng là một lĩnh vực rất tiềm năng của Quảng Nam trong tương lai khi phát triển nhà máy điện gió với quy mô lớn ở ngoài khơi. Ngoài ra, Quảng Nam cũng có nguồn tài nguyên thủy sản phong phú để có thể phát triển ngành chế biến xuất khẩu thủy sản.

3.1.4. Du lịch và dịch vụ biển

Về tiềm năng phát triển du lịch biển: Với đường bờ biển dài gần 125km với nhiều bãi biển đẹp: như Hà My (Điện Bàn), An Bàng (Hội An), Bình Minh (Thăng Bình), Tam Thanh (Tam Kỳ), Bãi Rạng (Núi Thành). Đó còn là ghềnh đá Bàn Than, Tam Hải (Núi Thành), là Cù Lao Chàm – khu dự trữ sinh quyển thế giới,... Quảng Nam có các làng nghề truyền thống của các cư dân ven biển như làng chài Hà My, nước mắm Cửa Khe, Tam Hòa, Tam Hải,... các phong tục tập quán, lễ hội vùng biển (lễ hội cầu ngư, lễ hội làng nghề...) đã giúp Quảng Nam có lợi thế lớn để đầu tư phát triển các loại hình du lịch biển, du lịch sinh thái đa dạng. Quảng Nam có bờ biển kéo dài từ Điện Ngọc đến giáp vịnh Dung Quất, nhiều nơi còn hoang sơ. Môi trường không bị ô nhiễm, độ dốc ít, cát mịn và độ mặn vừa phải, nước biển xanh và đặc biệt khí hậu biển rất lý tưởng cho phát triển các loại hình du lịch.

Về chính sách phát triển du lịch biển: Tỉnh đã ban hành các chính sách để phát triển du lịch biển như Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy (08-NQ/TU) về phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2020 định hướng đến năm 2025 cũng đã xác định phải đẩy mạnh đầu tư, kết nối cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch biển. Cụ thể, bên cạnh chinh trang tuyến đường du lịch ven biển Điện Bàn – Hội An – cầu Cửa Đại, đường du lịch ven biển Duy Hải – Chu Lai, cầu cảng du lịch Cửa Đại và Cù Lao Chàm, đảo Tam Hải cũng sẽ đầu tư hạ tầng du lịch biển như khu thể thao, khu công viên, dịch vụ tiện ích công cộng dọc tuyến đường ven biển, đẩy mạnh du lịch nghỉ dưỡng Nam Hội An (Gia Khang & Lê Phan, 2018).

Về thực tiễn phát triển du lịch biển tỉnh Quảng Nam: Quảng Nam đã và đang đẩy mạnh phát triển dịch vụ du lịch biển, đảo trên cơ sở bảo tồn, phát huy tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và văn hóa vùng biển, đảo của tỉnh gắn với mục

tiêu đảm bảo quốc phòng - an ninh. Ngành du lịch đã xây dựng nhiều tour tuyến du lịch biển, khám phá đời sống dân cư ven biển và được nhiều du khách lựa chọn trải nghiệm như ngắm hoàng hôn trên sông Thu Bồn kết hợp khám phá đời sống của cư dân làng du lịch sinh thái Trà Nhiêu, ngư dân Cửa Đại; Khám phá Cù Lao Chàm.

Các khu nghỉ dưỡng dọc bờ biển kéo dài từ Điện Bàn đến Hội An như: The Nam Hai, Le Belhamy, Palm Garden, Golden Sand, Victoria,... Nổi bật, có thể kể đến khu nghỉ dưỡng The Nam Hai (Điện Dương, Điện Bàn) được đánh giá là không gian nghỉ ngơi sang trọng bậc nhất Việt Nam với rất nhiều lời khen tặng và bình chọn của du khách và các tạp chí du lịch hàng đầu thế giới,... Cùng với việc xây dựng các khu nghỉ dưỡng, nhiều sản phẩm du lịch gắn với biển cũng hình thành, góp phần thu

hút một lượng lớn khách đến tham quan, lưu trú tại Quảng Nam. Với những tiềm năng lợi thế, cũng như sự quan tâm của các cấp chính quyền, ngành du lịch Quảng Nam đang từng bước khẳng định vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Tổng lượt khách du lịch đến Quảng Nam có xu hướng tăng qua các năm (bảng 1) (Lê Đức Thọ, 2020, tr.16), tuy nhiên, đại dịch covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành du lịch của tỉnh. Năm 2020, tổng lượt khách tham quan ước đạt gần 8,3 nghìn lượt (giảm 94%) và doanh thu từ các hoạt động du lịch là 788,7 tỷ đồng (Cục Thống kê Quảng Nam, 2020, tr.14). Trong quý I/2021, tổng lượt khách lưu trú trên địa bàn Quảng Nam ước đạt 198 nghìn lượt khách, là tín hiệu khởi sắc để tạo đà phục hồi trong năm 2021 (Hoài Thu, 2021).

Bảng 1: Tổng lượt khách du lịch đến Quảng Nam và doanh thu từ các hoạt động du lịch ở Quảng Nam giai đoạn 2016 – 2019

Năm	Tổng lượt khách quốc tế và nội địa đến Quảng Nam qua các năm (triệu lượt)						Tổng thu (tỷ đồng)	Tăng trưởng (%)
	Tổng lượt khách	Tăng trưởng (%)	Khách quốc tế	Tăng trưởng (%)	Khách nội địa	Tăng trưởng (%)		
2016	4,3	13,3	2,25	19,04	2,11	7,6	3.200	24,5
2017	5,3	13,7	2,77	10,4	5,53	19,9	3.860	24,5
2018	6,5	21,5	3,78	36,6	2,79	5,33	4.700	21,7
2019	7,66	17,61	4,6	20,50	3	13,57	6.000	27,66

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Nam

3.2. Đánh giá chung về phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Nam

3.2.1. Kết quả đạt được

Sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp chính quyền tỉnh Quảng Nam đối với phát triển kinh tế biển, tỉnh ủy Quảng Nam luôn xác định mục tiêu phấn đấu là đưa kinh tế biển và vùng ven biển của tỉnh phát triển mạnh, giữ vai trò chủ lực trong nền kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, an ninh. Có thể thấy, Quảng Nam đã chú trọng quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển các khu công nghiệp, du lịch, dịch vụ ven biển, ven sông; nâng cao hiệu quả nuôi trồng, đánh bắt hải sản,... Kinh tế biển đã góp phần quan trọng vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho nhân dân, đặc biệt là nhân dân khu vực vùng Đông của tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế trong phát triển kinh tế biển tại Quảng Nam.

Trong giai đoạn 2016 – 2020, kinh tế biển tỉnh Quảng Nam đã đạt được những kết quả nhất

định, cụ thể là: Đối với kinh tế hàng hải, nhất là dịch vụ logistics Quảng Nam đã có những khởi sắc. Đối với lĩnh vực khai thác và nuôi trồng thủy sản, tỉnh Quảng Nam cũng đã tận dụng khá tốt các tiềm năng, lợi thế để khai thác và nuôi trồng thủy sản. Người dân đã đầu tư mở rộng công suất tàu thuyền, trang bị tốt ngư cụ nên sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đều tăng qua các năm. Các ngành công nghiệp biển được chú trọng đẩy mạnh, trong đó công nghiệp đóng tàu và khai thác khoáng sản đã có những khởi sắc. Du lịch biển đảo cũng là một trong những thế mạnh của tỉnh Quảng Nam, đây là một trong những sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh.

3.2.2. Các hạn chế và nguyên nhân

Một là, trong lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản, bất cập ở chỗ tàu thuyền dưới 20CV chiếm đến 53,5% (Việt Nguyễn, 2020). Trang thiết bị, công nghệ khai thác, bảo quản hải sản còn thủ công, lạc hậu. Trình độ tổ chức khai thác hải sản của ngư dân kém. Trình độ lao động

của ngư dân hạn chế, thủ công là chính, mức cơ giới hóa, tự động hóa thấp. Ngư dân đánh bắt theo kinh nghiệm, không đủ sức hoặc chưa chịu đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến. Hạ tầng nuôi thủy sản rất bất cập, thủy lợi sơ sài, không có kênh cấp, kênh thoát nước. Đáng nói hơn, nông hộ nuôi tôm lấy nước trực tiếp từ sông hoặc nước ngầm mà không qua ao lắng để xử lý, lọc sạch mầm bệnh. Số công trình nuôi thủy sản có đầu tư hệ thống xử lý nước thải rất hạn chế.

Hai là, tiềm năng để phát triển loại hình du lịch biển đảo tại Quảng Nam là rất lớn, tuy nhiên, du lịch biển đảo chỉ mới tập trung ở Cù Lao Chàm và các bãi biển ở Hội An, các bãi biển còn lại chủ yếu thu hút khách nội tỉnh. Mặc dù sở hữu số lượng lớn các khu nghỉ dưỡng, khách sạn cao cấp chạy dọc bờ biển, nhưng xung quanh các khu nghỉ dưỡng hiện nay không có nhiều hoạt động vui chơi giải trí, nhất là các hoạt động giải trí về đêm. Quảng Nam vẫn chưa hình thành được những sản phẩm du lịch và không gian du lịch biển một cách rõ nét, đa dạng. Hoạt động du lịch biển có sự bất cân đối về không gian lãnh thổ và sản phẩm giữa phía Bắc và phía Nam. Khách du lịch tập trung chủ yếu quanh trục Hội An – Cù Lao Chàm, các khu vực còn lại chủ yếu là khách nội tỉnh như ở Tam Thanh, Bình Minh, Biển Rạng,... Sự mất cân đối đó có nguyên nhân do thiếu sự đầu tư về kết cấu hạ tầng du lịch và dịch vụ. Điều này đã dẫn tới hiệu quả phát triển du lịch không cao, thiếu sự đa dạng về sản phẩm và bất cân đối về không gian du lịch. Việc phát huy giá trị các bãi biển vẫn chưa như kỳ vọng. Trong một thời gian dài du lịch biển chỉ mới tập trung phía bắc của tỉnh như Điện Bàn, Hội An với việc hình thành các khu nghỉ dưỡng du lịch cao cấp. Còn dải bờ biển phía nam, kể cả Tam Thanh cũng chỉ mới bắt đầu khởi sắc từ khi tuyến đường ven biển từ Hội An vào Tam Kỳ hình thành.

Ba là, kết cấu hạ tầng các vùng biển, ven biển và hải đảo còn yếu kém, lạc hậu, manh mún, thiết bị chưa đồng bộ, nên hiệu quả sử dụng thấp, kém bền vững. Các cảng biển, các khu kinh tế ven biển còn nhỏ bé, chưa hình thành một hệ thống kinh tế biển liên hoàn,... Quảng Nam đã quy hoạch cảng biển, nhưng không đủ kinh phí xây dựng, nên nhiều công trình dang dở; một số địa phương xây dựng cảng nhưng không thể khai thác, sử dụng, vì tính

toán không hợp lý, gây lãng phí, kém hiệu quả.

Tóm lại, nhìn tổng thể thì kinh tế biển của tỉnh Quảng Nam trong thời gian vừa qua đã có đóng góp rất lớn vào ngân sách và tạo điều kiện công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Đến nay, kinh tế biển tỉnh Quảng Nam từng bước hiện đại hóa. Tuy vậy, quy mô kinh tế biển của địa phương còn nhỏ; phát triển thủy sản chủ yếu dựa vào đánh bắt, chưa gắn với bảo tồn, phát triển; nuôi trồng thủy sản còn nhỏ lẻ, manh mún; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường của cộng đồng dân cư còn nhiều hạn chế. Hơn nữa, sự phát triển công nghiệp ven biển đã ảnh hưởng đến môi trường và đời sống người dân. Mặc dù là tỉnh có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế biển, nhưng Quảng Nam chưa khai thác bài bản các tài nguyên để phát triển kinh tế biển. Phát triển manh mún, thiếu sự điều phối, liên kết vùng, thiếu các dịch vụ hỗ trợ hoặc không đa dạng sản phẩm vui chơi giải trí trên biển,... Du lịch biển Quảng Nam cần được nhìn nhận lại để trở thành một động lực thúc đẩy sự phát triển ngành kinh tế mũi nhọn này.

3.3. Giải pháp phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Nam

Căn cứ từ thực trạng nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp để đẩy mạnh phát triển kinh tế biển Quảng Nam như sau:

Thứ nhất, tăng cường năng lực quản lý nhà nước về biển, vùng ven biển. Cần tập trung tối đa các nguồn lực đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển như: Công nghiệp, cảng biển, khu kinh tế gắn với phát triển các khu đô thị ven biển; Dịch vụ du lịch biển chất lượng cao; Nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản; Dịch vụ hậu cần và hạ tầng nghề cá, vận tải đường biển – logistics. Thực hiện tốt công tác quốc phòng-an ninh, tích cực tham gia hợp tác khu vực và đối ngoại về biển.

Thứ hai, Quảng Nam cần chú ý một số vấn đề như cải thiện công tác quản lý bãi biển, nhất là các bãi biển công cộng bằng việc xây dựng các tiêu chuẩn cho bãi biển; có kế hoạch phù hợp trong việc giao đất dự án cho doanh nghiệp ở khu vực ven biển, tránh việc phát triển dự án xong thì cộng đồng không thể tiếp cận mặt biển; đối phó với xói mòn bờ biển, kể cả có chiến lược phù hợp, bền vững đối với việc khai thác, đánh bắt hải sản.

Thứ ba, chuyển mạnh từ nuôi trồng, khai thác hải sản theo phương thức truyền thống sang công

nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản theo hướng giảm khai thác gần bờ, đẩy mạnh khai thác tại các vùng biển xa bờ đi đôi với thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác đào tạo, chuyển đổi nghề cho ngư dân. Thực hiện các chính sách tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ ngư dân đầu tư đóng mới tàu có công suất cao, đánh bắt xa Quảng Nam cần hỗ trợ ngư dân đầu tư hầm bảo quản hải sản gắn thiết bị lạnh, máy và thiết bị sản xuất nước đá sệt, đá vảy, đá tuyết cấp đông, máy và thiết bị bảo quản sản phẩm bằng công nghệ nano; cần tính đến hỗ trợ máy và thiết bị định dạng tự động AIS, ra-đa, máy, thiết bị lọc nước biển làm nước ngọt giúp ngư dân tăng thời gian bám biển.

Thứ tư, đầu tư nâng cấp hạ tầng kinh tế biển. Đầu tư phát triển vùng Đông ven biển của Quảng Nam trở thành vùng kinh tế động lực, trong đó, tập trung các nguồn lực để phát triển mạnh mẽ Khu Kinh tế mở Chu Lai; các khu công nghiệp, khu du lịch, dịch vụ, bến cảng, các khu đô thị ở khu vực ven biển. Trước mắt, tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng then chốt như cầu Cửa Đại, hệ thống đường ven biển, nạo vét sông Trường Giang, sông Cổ Cò, cảng Kỳ Hà, cảng Tam Hiệp; kết hợp với xây dựng các công trình hạ tầng vừa phục vụ nhu cầu dân sinh, phát triển kinh tế, vừa bảo đảm quốc phòng - an ninh và có khả năng đối phó với tác động của biến đổi khí hậu, nhất là chống bão, sóng thần, nước biển dâng... Huy động các nguồn vốn và ưu tiên xây dựng, hoàn thiện các tuyến giao thông, hạ tầng du lịch, hạ tầng ngành thủy sản, cảng biển nhằm kết nối các địa phương trong tỉnh và lân cận, vươn ra quốc tế. Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để đầu tư phát triển kinh tế biển để huy động đủ nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế biển, tạo điều kiện để kinh tế biển phát triển bền vững.

Thứ năm, phát triển các sản phẩm du lịch biển đảo đặc thù của tỉnh. Khu vực Điện Nam – Điện Ngọc - Hội An – Cù Lao Chàm hình thành mô hình đô thị biển đảo với các sản phẩm du lịch gắn liền với di sản văn hóa Hội An và khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm như tham quan nghiên cứu, lễ hội văn hóa, nghỉ dưỡng, thể thao, làng quê, làng nghề, đặc biệt là các loại hình du lịch thể thao như lặn biển, bơi vượt biển, đua thuyền buồm Hội An – Cù Lao Chàm và ngược lại,... Trong

không gian du lịch khu vực này cần chú ý hình thành các công viên biển, hành lang biển với những không gian công cộng đủ lớn để có thể tổ chức các sự kiện, có tầm quốc tế. Đối với khu vực từ Duy Xuyên đến Thăng Bình, sau khi cầu Cửa Đại và hệ thống đường ven biển được hoàn thành, không gian đô thị Hội An có xu hướng phát triển về phía Nam. Định hướng sản phẩm du lịch cho khu vực này chính là phát triển một hành lang biển phía ngoài đường ven biển và phát triển hệ thống các khu nghỉ dưỡng cao cấp, các khu khách sạn, resort, khu biệt thự theo lối kiến trúc truyền thống và các giá trị văn hóa làng biển, làng nghề.... phía trong đường ven biển. Định hướng sản phẩm du lịch biển ở khu vực này hướng tới nhóm khách là những đối tượng đi nghỉ dưỡng lâu ngày, nghỉ hè, nghỉ đông, dạng gia đình, người cao tuổi đi theo loại hình an dưỡng tuổi già (Nhật Bản, các nước châu Âu,...). Khu vực từ Tam Kỳ đến Núi Thành phát triển đô thị biển theo hướng đô thị sinh thái biển. Khi thành phố Tam Kỳ phát triển về phía Đông, khu kinh tế mở và sân bay Chu Lai phát triển về phía Bắc sẽ hình thành một không gian đô thị - khu công nghiệp – các khu du lịch gắn liền với biển. Sản phẩm chủ yếu của khu vực này là du lịch nghỉ dưỡng, giải trí. Đặc biệt cần biến bán đảo Tam Hải thành công viên - trung tâm nghỉ dưỡng – giải trí – thể thao; phía Đông thành phố Tam Kỳ trở thành các đô thị, công viên sinh thái dọc bờ biển. Đối tượng khách là các doanh nhân, nhà đầu tư, ông chủ các doanh nghiệp.

Thứ sáu, đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển kinh tế biển. Chú trọng phát triển vùng và liên kết vùng; đẩy mạnh giao lưu, hợp tác với tỉnh Quảng Ngãi, thành phố Đà Nẵng và các địa phương trong khu vực vành đai Trung Trung bộ; đồng thời triển khai thực hiện phân cấp quản lý nhà nước vùng biển, vùng ven biển và nội thủy do tỉnh quản lý.

Thứ bảy, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển. Đẩy mạnh công tác giáo dục và đào tạo, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội vùng biển. Xây dựng cơ chế, chính sách và kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế có liên quan đến biển; hỗ trợ đào tạo các ngành nghề khai thác hải sản, chú trọng ưu tiên đào tạo học sinh, lao động các xã nghèo vùng

bãi ngang ven biển, cồn bãi ven sông để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các vùng biển và ven biển. Bên cạnh việc chú trọng đầu tư phát triển đội ngũ nhà khoa học, chuyên gia chất lượng cao, cần ưu tiên đầu tư cho công tác đào tạo, đào tạo lại nghề cho người dân, bảo đảm nhu cầu lao động của các ngành kinh tế biển.

Thứ tám, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ kinh tế biển, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và bảo vệ môi trường. Tập trung nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ kinh tế biển theo hướng ưu tiên các ngành mới, các khoa học và công nghệ giúp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các ngành như: thủy sản, du lịch biển, hàng hải, dầu khí, công nghiệp khí - điện - đạm, vật liệu xây dựng, xây dựng đô thị biển, kinh tế đảo... Đầu tư thỏa đáng cho khoa học và công nghệ năng lượng tái tạo biển. Coi trọng cả nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội và nhân văn. Hỗ trợ các doanh nghiệp kinh tế biển ở Vùng, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó cần

triển khai thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển, đảo; tích hợp, lồng ghép giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm môi trường bền vững.

4. Kết luận

Quảng Nam tỉnh có nhiều tiềm năng đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, tuy nhiên, việc phát triển kinh tế biển Quảng Nam thời gian qua chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Vì vậy, thời gian tới, Quảng Nam cần tập trung xây dựng là: nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phát triển kinh tế biển; cải thiện công tác quản lý bãi biển; chuyển mạnh từ nuôi trồng, khai thác hải sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; đầu tư nâng cấp hạ tầng kinh tế biển; phát triển các sản phẩm du lịch biển đảo đặc thù của tỉnh; đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển kinh tế biển; phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ kinh tế biển, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và bảo vệ môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cục Thống kê Quảng Nam. (2020). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam quý IV và năm 2020*, Quảng Nam.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia sự thật.
- [3]. Tấn Nguyên. (2020). *Quảng Nam tạo đột phá trong phát triển kinh tế vùng phía đông*. <https://nhandan.com.vn>. Cập nhật ngày 30/01/2020.
- [4]. Việt Nguyễn. (2020). *Quảng Nam: Để phát triển nghề cá bền vững*. <https://thuysanvietnam.com.vn>. Cập nhật ngày 6/7/2020.
- [5]. Gia Khang, Lê Phan. (2018). *Khai thác du lịch biển*. <http://baoquangnam.vn>. Cập nhật 01/07/2018.
- [6]. Lê Quân. (2018). *Hàng hóa qua cảng tại Quảng Nam tăng mạnh*. <http://baoquangnam.vn>. Cập nhật ngày 19/11/2018.
- [7]. Trần Thường. (2018). *Quảng Nam muốn mở rộng sân bay, cảng biển*, <https://nld.com.vn>. Cập nhật ngày 13/3/2018.
- [8]. Lê Đức Thọ. (2020). Nghiên cứu tiềm năng phát triển loại hình du lịch di sản tại tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh*, (15).
- [9]. Hoài Thu. (2021). *Quảng Nam sẽ là địa phương đầu tiên đón khách quốc tế trở lại*, <http://cand.com.vn>. Truy cập ngày 21/04/2021.

Thông tin tác giả:

1. Lê Đức Thọ

- Đơn vị công tác: Trường Cao đẳng Nghề Đà Nẵng
- Địa chỉ email: ductho@danavtc.edu.vn

2. Văn Công Vũ

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

Ngày nhận bài: 10/5/2021

Ngày nhận bản sửa: 22/6/2021

Ngày duyệt đăng: 30/12/2021